

Bản án số: 14/2021/HS-ST
Ngày: 07-7-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Trần Thanh Bài.

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Phạm Nho Thành;

4/ Nguyễn Văn Chuẩn.

Thư ký phiên tòa: 4/ Phí Thị Thanh Nga, Cán bộ Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội;

Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội tham gia phiên tòa: 3// Đinh Văn Giang, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 6 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T; tên gọi khác: không; giới tính: Nam; sinh ngày 20 tháng 12 năm 1984, tại Hà Nội; nơi cư trú: Nhà số A dãy B, ngõ C đường N, phường Q, quận H1, Thành phố Hà Nội; Cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 2/ QNCN, Nhân viên nấu ăn, Hệ sau Đại học, Học viện C, Bộ Q; văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị H2; có vợ là Lưu Thị H3 và 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014); tiền sự: không; tiền án: không; về nhân thân: Ngày 27/10/2010, Nguyễn Văn T bị Hệ trưởng Hệ S, Học viện C, Bộ Q kỷ luật bằng hình thức Cảnh cáo vì lý do: vi phạm về quan hệ quân dân trong quá trình vay mượn tiền của nhau. Ngày 15/10/2011, Hệ trưởng Hệ sư phạm, Học viện C, Bộ Q có Quyết định công nhận tiến bộ đối với quân nhân bị thi hành kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/10/2020 đến ngày 07/10/2020; tạm giam từ ngày 07/10/2020 đến nay, hiện tạm giam tại Trại tạm giam T75, Cục Điều tra hình sự, Bộ Quốc phòng; Có mặt.

2. Nguyễn Hồng M; tên gọi khác: không; giới tính: Nam; sinh ngày 05 tháng 12 năm 1984, tại Hà Nội; nơi cư trú: thôn V, xã X, huyện T, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Bùi Thị H4; có vợ là Nguyễn Thị H5 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ

nhất sinh năm 2020); tiền sự: không; tiền án: không; về nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào, bị tạm giữ từ ngày 01/10/2020 đến ngày 07/10/2020; tạm giam từ ngày 07/10/2020 đến nay, hiện tạm giam tại Trại tạm giam T75, Cục Điều tra hình sự, Bộ Quốc phòng: Có mặt.

3. Phạm Duy T2; tên gọi khác: không; giới tính: Nam; sinh ngày 19 tháng 3 năm 1984, tại Hà Nội; nơi cư trú: Nhà số A2 dãy B2, ngõ C đường N, phường Q, quận H1, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T3 và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Phạm Ngọc N1 và 02 con (con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017); tiền sự: không; tiền án: không; về nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật lần nào, bị tạm giữ từ ngày 01/10/2020 đến ngày 07/10/2020; tạm giam từ ngày 07/10/2020 đến nay, hiện tạm giam tại Trại tạm giam T75, Cục Điều tra hình sự, Bộ Quốc phòng: Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Duy T2:*

+ Ông Bùi Văn M, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư N, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội: Có mặt.

+ Ông Nguyễn Mạnh P, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư H, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội: Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:*

+ Ông Bùi Văn M và bà Nguyễn Thị H6, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư N2, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội: đều có mặt.

- **Bị hại: Lê Việt H;** Sinh ngày 04/6/1968 tại Hà Nội; Quê quán: thị trấn K, huyện T, Thành phố Hà Nội. Cấp bậc, chức vụ, đơn vị: 3//, Giảng viên bộ môn H, Khoa C1, Học viện C, Bộ Q (đã chết ngày 03/10/2020).

Đại diện hợp pháp của bị hại Lê Việt H: Bà Hà Ngọc L; sinh năm 1974; nơi cư trú: Nhà số A3 dãy B, ngõ C đường N, phường Q, quận H1, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Lê Việt H6 (là em ruột của Lê Việt H); sinh năm 1981; nơi cư trú: số X đường xóm Y, thôn K, thị trấn K1, huyện T, TP. Hà Nội: Có mặt.

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Bảo hiểm xã hội Bộ Q; địa chỉ: C1, T, phường Đ, quận B, Thành phố Hà Nội: Vắng mặt.

2. Nguyễn Thị H2; sinh năm 1958; nơi cư trú: Nhà số A dãy B, ngõ C đường N, phường Q, quận H1, Thành phố Hà Nội: Có mặt.

3. Nguyễn Thị H5; sinh năm: 1986; nơi cư trú: thôn V, xã X, huyện T, Thành phố Hà Nội: Có mặt.

4. Phạm Ngọc N1; sinh năm 1995; nơi cư trú: Nhà số A2 dãy B2, ngõ C đường N, phường Q, quận H1, Thành phố Hà Nội: Có mặt.

- **Những người làm chứng:**

1. Lê Việt T4: Có mặt;

2. Lưu Thị H3: Có mặt;

3. Vũ Đức T3: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Lê Việt H nhà ở gần nhau. Khoảng tháng 7/2020, T bắt đầu nghi ngờ ông H và vợ mình là Lưu Thị H3 có quan hệ bất chính với nhau. Sáng ngày 30/9/2020, Thành biết ông H đi khám bệnh tại Bệnh viện T và vợ mình cũng có mặt tại đó. T gọi điện thoại hỏi thì chị H3 nói đi thăm con của một người bạn nên T nghi ngờ. Buổi trưa hôm đó hai vợ chồng T cãi nhau về việc này. Chiều cùng ngày, T cùng bạn là Nguyễn Hồng M và Phạm Duy T2 rủ nhau uống bia tại quán L ở hồ Đ, phường H, quận H1, Hà Nội, đến gần 19 giờ, T về nhà. Khoảng 19 giờ, T ra cửa ngồi hút thuốc và đi đổ rác thì nhìn thấy ông H đang ở nhà. T gọi điện thoại nhưng ông H không nghe máy nên đi sang nhà ông H để nói chuyện. Khi T sang thì ông H đi từ trong nhà ra nên không vào nữa. Sau đó, T và ông H đi bộ ra dãy nhà B3 ngõ C, đường N cách đó khoảng 40-50m. Trên đường đi, T gọi điện thoại báo M vào nhà T có việc nhưng không nói việc gì. Khi đến nhà số A dãy B3 thì cả hai rẽ phải đi vào trong. Tại đây, T hỏi việc ông H gặp vợ Thành ở Bệnh viện T và mối quan hệ giữa hai người nhưng ông H nói không liên quan nên T dùng tay phải tát một cái vào mặt bên trái ông H. Ông H đưa hai tay lên ôm đầu thì T dùng tay trái tát một cái vào mặt bên phải và đâm một cái vào bụng ngực khiến ông H phải ngồi xuống vỉa hè. Lúc này M và T2 đang dừng xe trước cửa nhà T, M gọi điện thoại hỏi thì T nghe máy và đi ra đầu dãy vẫy gọi T2 và M. Sau đó T quay vào đá một cái vào chân ông H thì ông H đứng dậy trên vỉa hè, lưng sát vào tường, mặt quay ra ngoài đối diện với T. T chửi ông H và nói với M, T2 “thằng này quan hệ với vợ tôi”, đồng thời dùng tay phải đâm ông H một cái trúng vào mặt bên trái, ông H cúi người quay nghiêng để tránh thì T đâm một cái bằng tay phải trúng vào lưng ông H. Do sợ ồn ào ở gần nhà nhiều người biết nên T bảo M và T2 chờ ông H đi chỗ khác nói chuyện tiếp; T2 và M đồng ý. T2 lùi xe máy ra đường chính ngõ C, ông H lên xe ngồi sau T2, M ngồi sau cùng còn T đi bộ về nhà lấy xe máy đi ra sau. Khoảng 19 giờ 10 phút, T2 điều khiển xe chở ông H và M đi ra đường N, rẽ phải đi đến khu vực ngã ba cầu L thì dừng lại chờ T. Khoảng 19 giờ 17 phút, T gọi điện cho M hỏi vị trí, một lúc sau thì T đến nơi rồi dẫn đường cho T2 chở ông H và M đi vào khu đô thị V, thuộc phường L, H1, Hà Nội.

Khi đến đoạn đường nội bộ D vắng vẻ trong khu đô thị, T bảo T2 dừng xe. T xuống đứng đối diện và hỏi ông H về mối quan hệ với vợ T nhưng ông H không thừa nhận. T dùng tay phải tát một cái vào mặt bên trái, dùng tay trái tát một cái vào mặt bên phải của ông H; ông H ôm tay lên đầu để đỡ thì T dùng chân phải đá thẳng một cái vào phía ngực bụng của ông H, ông H bị đau nên ngồi xuống vỉa hè. Lúc này T đứng đối diện ông H, T2 và M đứng cạnh hai bên T. T tiếp tục hỏi ông H về mối quan hệ với vợ T nhưng ông H không thừa nhận nên T dùng tay phải đâm một cái trúng vào phần đầu, mặt bên trái của ông H. Bị đau, ông H đưa hai tay lên ôm đầu thì T đá chân phải một cái trúng vào tay trái ông H. T tiếp tục tra hỏi và nói có bằng chứng ông H có quan hệ bất chính với

vợ T. Khi nghe thấy vậy thì M và T2 cũng chửi bới và cùng tra hỏi ông H. Do ông H không thừa nhận nên T dùng cả hai tay nắm, tát hai ba cái vào phần đầu, hai bên mặt của ông H thì ông H đưa hai tay lên đầu để đỡ. T tiếp tục nói dọa ông H là có bằng chứng ông H quan hệ với vợ T rồi đá một cái bằng chân trái trúng vào phần ngực bụng của ông H, sau đó đi ra phía sau. Lúc này, M ngồi xuống cạnh phía bên phải ông H nói “hàng xóm với nhau mà ông lại làm vậy” rồi dùng tay phải tát một cái trúng mặt bên trái và tát tiếp một cái trúng vai trái ông H. Từng xem được đoạn video T nói chuyện với ông H trước đó thì bực tức chửi ông H, rồi lao vào dùng chân trái đá trúng một cái vào vai ông H. Sau đó T, M, T2 tiếp tục tra hỏi nhưng ông H không thừa nhận có quan hệ bất chính với vợ T. Khi ông H giải thích thì bị T dùng tay phải tát hai cái trúng vào phần đầu, mặt bên trái ông H. Sau khi bị tát, ông H không nói nữa, thở hổn hển một lúc sau thì ngã sấp về phía trước nằm xuống đường. Tưởng ông H giả vờ nên T lật ngửa rồi dùng chân phải dẫm dè lên tay trái và lấy điện thoại soi vào mặt ông H; khi thấy mặt ông bị bầm tím thì T, M, T2 dìu ông H lên xe máy chở về nhà.

Khoảng 19 giờ 45 phút, T, M, T2 đưa ông H về đến nhà. T gọi vợ và con trai ông H ra cùng dìu ông H vào nằm ở ghế phòng khách. Sau đó T ở lại, còn T và M đi về. Ban đầu, T nói ông H bị ngã nhưng sau đó thừa nhận với vợ ông H là vừa đánh ông H. Do trước đó, T đã gọi điện thoại cho vợ nói vừa đánh ông H nên chị H3 từ nơi làm việc đi về rồi sang nhà ông H. Tại đây, T nói ông H và chị H3 có quan hệ bất chính với nhau nhưng chị H3 không thừa nhận.

Khoảng 21 giờ ngày 30/9/2020, ông H được người nhà và hàng xóm đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Q. Khoảng 05 giờ 10 phút ngày 03/10/2020 thì ông H tử vong. Đến chiều 01/10/2020, T ra đầu thú và khai báo sự việc; sau đó M, T2 cũng đến Cơ quan điều tra đầu thú.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng M và Phạm Duy T2 thừa nhận hành vi như nội dung nêu trên.

Bà Hà Ngọc L có lời khai: Khoảng gần 19 giờ ngày 30/9/2020, anh H đang ở nhà bảo tôi đi ra ngoài một tí. Khoảng 19 giờ 45 phút thì T gọi cửa, tôi đi ra thì thấy T đang ở ngoài cửa cùng với chồng tôi, lúc này anh H gục mặt xuống và đang được thanh niên khác đỡ và thấy anh H trong trạng thái gần như bất tỉnh, phải đỡ mới vào được nhà, người mềm nhũn, gọi hỏi không nói, mặt sưng, có máu và dịch chảy ra ở miệng mũi, đầu gối xước chảy máu, ngón chân bên trái chảy nhiều máu thì tôi hốt hoảng chạy ra đỡ và cùng T với người kia đỡ chồng tôi vào nhà đặt nằm ở ghế phòng khách. Lúc này tôi hốt hoảng và có hỏi T sao chồng tôi như thế này. T có nói với tôi là chồng tôi uống rượu bị ngã nhưng tôi không tin vì chồng tôi lúc đi không uống rượu. Tôi tiếp tục hỏi T thì T nói vừa đánh chồng tôi mấy cái do nghi ngờ chồng tôi có quan hệ bất chính với vợ T là H3; một lúc sau thì H3 là vợ T sang nhà tôi; T tiếp tục nói H3 có quan hệ bất chính với anh H thì tôi hỏi H3 là có đúng không thì H3 nói là không hề có chuyện đó. Sau đó H3 cùng tôi lau mặt và thay quần áo cho anh H. Tôi nhờ anh T5, anh L gần nhà chở chồng tôi vào Bệnh viện Q để cấp cứu và đến ngày 03/10/2020 anh H tử vong tại Bệnh viện Q.

Lời khai của người làm chứng Lê Việt T4: Khoảng 19 giờ 45 phút, tôi thấy bố tôi được hai thanh niên lạ mặt xốc nách 2 bên mới đứng được; bố tôi đang gục đầu xuống, có cả anh Nguyễn Văn T đang ở đó. Tôi thấy vậy cùng mẹ và anh T và người thanh niên dìu bố tôi nằm ở ghế phòng khách. Lúc đó bố tôi thờ hỏn hển gần như bất tỉnh, mặt bố tôi có bầm tím, chân chảy máu nhưng tôi không để ý rõ thương tích thế nào. Tôi cùng mẹ lấy khăn lau mặt cho bố tôi. Khoảng 20 giờ 30 phút tôi đi làm được khoảng 10 đến 15 phút thì mẹ tôi gọi cho tôi bảo về đưa bố tôi đi cấp cứu. Khi tôi về đến nhà thì mẹ tôi cùng hàng xóm đã đưa bố tôi đi cấp cứu ở Bệnh viện Q. Chiếc điện thoại tôi giao nộp cho Học viện C là điện thoại của bố tôi mang nhãn hiệu Vivo, khi xảy ra sự việc tôi có thử mở điện thoại của bố tôi ra xem thì mở được và thấy tin nhắn có nội dung theo tôi có liên quan đến việc bố tôi bị thương tích.

Người làm chứng Lưu Thị H3 có lời khai: Chú H là hàng xóm gần nhà tôi và làm cùng Học viện C với anh T chồng tôi. Sáng ngày 30/9/2020 tôi có ra Viện T thăm con của bạn là H ở Y vì biết chú H cũng ra viện T hôm đó nên tôi có gặp hỏi thăm chú H ở chỗ nhà xe. Sau đó thì anh T có điện thoại cho tôi bảo về nhà nói chuyện. Khoảng 12 giờ tôi về nhà nói chuyện thì anh T tra hỏi tôi có phải sáng nay đi thăm ông H ở Viện T hay không và tỏ thái độ rất bức tức. Tôi chỉ nói là đi thăm bạn không thăm ông H thì chồng tôi tỏ vẻ nghi ngờ bức xúc. Đến 19 giờ 45 phút tôi nghe điện thoại của anh T nói với tôi là đã đánh ông H. Khoảng 20 giờ tối ngày 30/9/2020 tôi về đến nhà cất xe rồi sang nhà ông H thì thấy anh T đang đi lại ở trong phòng khách nhà ông H. Tại ghế phòng khách tôi thấy ông H rất yếu, chỉ nằm im thờ hỏn hển, mặt sưng, ở ngón chân trái bị xước chảy máu như bị lê trên đường; chị L đang lấy khăn lau mặt cho ông H. Tôi nghe anh T nói với chị L là “vừa đánh ông H” do nghi ngờ ông H có qua lại với tôi, sáng hôm nay tôi đi thăm ông H ở Bệnh viện T và ông H còn nhắn tin thông báo cho tôi. Sau đó tôi cùng chị L thay quần áo cho ông H. Đến khoảng 21 giờ hàng xóm đưa ông H ra Bệnh viện Q cấp cứu, tôi đi sau. Khi tôi ra đến viện Q, một lúc sau anh T cũng đi ra viện một lát rồi về nhà.

Lời khai của người làm chứng Vũ Đức T3: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 30/9/2020, anh T gọi điện cho tôi nói là vừa đánh một người đang cấp cứu ở viện. Sau đó tôi vào nhà nói chuyện với anh T thì anh T bảo vừa cùng hai người nữa nhưng không nói tên đã đánh một người cùng đơn vị. Anh Thành cũng cho tôi biết là chỉ dùng tay, chân để đánh không dùng gậy gộc, hung khí gì. Tôi hỏi anh Thành là tính như thế nào thì anh T bảo mai vào đơn vị báo cáo hoặc đầu thú. Đến trưa ngày 01/10/2020 anh T có gọi cho tôi báo là lên đơn vị làm việc liên quan đến sự việc hôm qua.

Biên bản xác định hiện trường do Cơ quan Điều tra hình sự các Tổ chức sự nghiệp, BQP lập hồi 17h30' ngày 01/10/2020: Nguyễn Văn T chỉ được địa điểm đánh ông Lê Việt H tại đường D, khu đô thị V, H1, Hà Nội. Sau khi Nguyễn Văn T chỉ được địa điểm xong thì cách ly khỏi vị trí. Tiếp đến cho Phạm Duy T2 tự chỉ dẫn địa điểm đã chứng kiến sự việc Nguyễn Văn T đánh ông Lê Việt H. Kết quả vị trí T2 chỉ dẫn đúng như vị trí T đã chỉ. Sau đó Nguyễn Hồng M tự chỉ dẫn địa điểm đã chứng kiến Nguyễn Văn T đánh ông

Lê Việt H. Kết quả vị trí mà Nguyễn Hồng M chỉ dẫn đúng vị trí T đã chỉ. Việc chỉ dẫn địa điểm của T, T2 và M thực hiện độc lập, tách biệt, cách ly nhau, không cho trao đổi hoặc quan sát biết vị trí của người khác đã chỉ trước.

Biên bản xác định hiện trường do Cơ quan Điều tra hình sự các Tổ chức sự nghiệp, BQP lập hồi 18h10' ngày 01/10/2020: Nguyễn Văn T chỉ được địa điểm đã đánh ông Lê Việt H tại khu vực cạnh nhà A, dãy B3, ngõ C phố N, phường Q, quận H1, Hà Nội. Nơi xảy ra sự việc là khu vực nhà ở của cư dân, đường nhỏ hẹp, ít người qua lại, cách nhà ở của T khoảng 40m. Sau khi Nguyễn Văn T chỉ được địa điểm xong thì cách ly khỏi vị trí. Sau đó Nguyễn Hồng M tự chỉ dẫn địa điểm đã chứng kiến Nguyễn Văn T đánh ông Lê Việt H. Kết quả vị trí mà Nguyễn Hồng M chỉ dẫn đúng vị trí T đã chỉ. Tiếp đến cho Phạm Duy T2 tự chỉ dẫn địa điểm đã chứng kiến sự việc Nguyễn Văn T đánh ông Lê Việt H. Kết quả vị trí T2 chỉ dẫn đúng như vị trí T đã chỉ. Việc chỉ dẫn địa điểm của T, T2 và M thực hiện độc lập, tách biệt, cách ly nhau, không cho trao đổi hoặc quan sát biết vị trí của người khác đã chỉ.

Biên bản khám nghiệm hiện trường do Cơ quan Điều tra hình sự các Tổ chức sự nghiệp, BQP lập hồi 08h45' và 09h30' ngày 02/10/2020: Hiện trường xảy ra sự việc là tại ngõ nhỏ cạnh nhà số A, B3, C đường N, phường Q, quận H1, Hà Nội (hiện trường 1) và đường nội bộ D, khu đô thị V, phường L, quận H1, Hà Nội (hiện trường 2). Hiện trường 1 là đường đi nội bộ trong khu dân cư, cách nhà Nguyễn Văn T và ông Lê Việt H khoảng 40m; Lòng đường rộng 1,53m, hai bên có vỉa hè chiều rộng bên phải là 0,4m, bên trái là 0,32m (theo hướng nhìn từ đường chính Ngõ 16 nhìn vào). Vị trí ông Lê Việt H bị đánh cách đường chính C khoảng 4m. Hiện trường 2 là đường đi nội bộ trong khu vực thưa dân, một bên có nhà đang xây dựng, một bên là khu đất trống. Vị trí ông Lê Việt H bị đánh cách đường chính D khoảng 18,3m, lòng đường rộng 07m, vỉa hè bên phía ông Lê Việt H bị đánh rộng 4,4m giáp khu nhà đang xây dựng.

Biên bản khám nghiệm tử thi do Cơ quan Điều tra hình sự các Tổ chức sự nghiệp, BQP lập hồi 10h05' ngày 03/10/2020, xác định:

- Các dấu vết thương tích ngoài: Mi mắt phải bầm tụ máu, kích thước (0,5x1,2)cm, sưng nề; xuất huyết khoe ngoài củng mạc mắt phải, kích thước (1x1)cm; tụ máu vùng da khoe ngoài mắt phải và mi dưới mắt phải, kích thước (3,5x0,5)cm; mi trên mắt phải có vết cào xước nằm ngang dài 1cm, chỗ rộng nhất 0,1cm; đuôi lông mày phải có vết sướt da, kích thước (1,2x0,8)cm. Gò má phải cách khoe mắt phải 4cm, cách điểm dưới dái tai phải 8cm có vết sướt da, tụ máu kích thước (0,6x0,5)cm. Phía trên điểm giữa cung mày trái 1,5cm có vết sướt da, tụ máu kích thước (0,6x0,5)cm. Phía trên điểm giữa cung mày trái 1,5cm có vết trượt da, tụ máu kích thước (1,4x0,7)cm; bầm tím sưng nề khoe mắt và mi trên mắt trái trong diện (2,3x0,7)cm; sưng nề bầm tím khoe mắt trong, mi trên bên trái trong diện (2x1,2)cm. Sưng nề gò má bên trái trong diện (9,5x8)cm. Cánh mũi phải, lỗ mũi phải có một số vảy máu khô màu nâu đỏ; cánh mũi phải và lỗ mũi có nhiều vết sướt da tụ máu bầm chàm kích thước (2,5x1)cm. Tụ máu khoe miệng bên trái phần liên tiếp môi trên và môi dưới

trong diện (2,5x1,5)cm. Hai hàm răng cắn chặt, nguyên vẹn; cổ mềm. Vùng ngực phải dưới xương đòn phải có vùng phù nề tụ máu trong diện (13x11)cm trong có các vết sướt da nhỏ. Vùng ngực trái sát đường giữa cách núm vú trái 10cm, cách phía dưới hõm ức 13,5cm có vết đôi màu sắc da, màu hồng, kích thước (2x1,2)cm bờ mép không rõ ràng. Mu bàn tay phải cách đầu dưới xương quay 6cm, cách đốt bàn ngón hai 2,8cm có vết sướt da kích thước (0,9x0,7)cm, màu nâu thâm; mặt mu bàn tay phải có vết sướt da kích thước (0,5x0,2)cm. Khủy tay phải vùng móm có vết sướt da (3,5x1)cm, nền hồng đỏ; 1/3 trên cẳng tay phải, mặt sau, phía dưới móm khuỷu 4,5cm có vết sướt da kích thước (1,5x0,7)cm, nền màu nâu. Mặt trong 1/3 cánh tay trái gần phía nách trái có một vết sướt da tụ máu diện (5x4)cm, bên trên có vết cào xước song song và những hạt tụ máu lấm tấm. Đầu dưới bánh chè bên trái có đám sướt da kích thước (4x1)cm, nền màu nâu, khô. Đầu các ngón chân trái 1,2,3,4 có vết xây xát mất da, tụ máu, nền đỏ hồng có chảy dịch. Cách đầu trong xương bánh chè phải 2cm có vết sướt da tụ máu trong diện (8x6,5)cm trong đó gồm nhiều vết sướt da nhỏ, vết lớn nhất kích thước (2,3x2,3)cm. Lưng trái, phía dưới 21cm đốt cổ số 7, cách góc dưới xương bả vai 8cm có vết tụ máu hình thù không rõ, kích thước (7x5,5)cm màu đỏ thâm, tụ máu dưới da, cơ bình thường.

- Các dấu vết thương tích trong: Tụ máu dưới da vùng trán phải kích thước (3x2,2)cm. Tụ máu cơ thái dương phải kích thước (3,5x2)cm. Tụ máu dưới da thái dương trái kích thước (10,5x4)cm. Tụ máu cơ thái dương trái kích thước (11,5x7)cm. Tụ máu dưới màng cứng dưới thái dương đỉnh chằm trái, độ dày cục máu đông 1,4cm. Vùng thái dương đỉnh bán cầu trái não có một đám tụ máu kích thước (5,5x6,5)cm. Xương sọ và xương nền sọ không phát hiện tổn thương. Gãy xương sườn số 5,6 bên trái.

Bản kết luận giám định pháp y 25 X2020 số 612/GĐ-PY ngày 02/11/2020 và Bản kết luận Giám định pháp y về hóa pháp số 558/PY-XNĐH ngày 14/10/2020 của Viện pháp y Quân đội kết luận:

- Nguyên nhân tử vong của Lê Việt H là tình trạng chấn thương sọ não nặng, máu tụ dưới màng cứng diện rộng bán cầu não trái.

- Cơ chế hình thành thương tích, vật gây thương tích: Tình trạng chấn thương sọ não, máu tụ dưới màng cứng bán cầu trái là do tác động trực tiếp của vật tày vào vùng thái dương trái. Các vết sướt da tụ máu, sưng nề là do tác động của vật tày. Tình trạng xây xát mất da và tụ máu các ngón chân trái là do lê quệt. Tình trạng gãy xương sườn số 5,6 bên trái xảy ra trong quá trình hồi sức cấp cứu, ép tim ngoài lồng ngực.

- Không phát hiện chất ethanol, ma túy và các chất độc trong mẫu máu và phủ tạng của Lê Việt Hùng.

Biên bản thực nghiệm điều tra, nhận dạng:

- Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng M và Phạm Duy T2 thực hiện các động tác, tư thế đánh ông Lê Việt Hùng hoàn toàn phù hợp với lời khai nhận tội và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

- Biên bản nhận dạng ngày 03/12/2020 : Lê Việt T4 (con trai Lê Việt H) nhận dạng ảnh số 02 (của Nguyễn Hồng M) là người thanh niên đi cùng Nguyễn Văn T đưa bố tôi (Lê Việt H) về nhà tôi ngày 30/9/2020.

Kết quả thu giữ, kiểm tra dữ liệu điện tử, điện thoại, camera: Thời gian Nguyễn Văn T gọi điện thoại để sang nhà ông H lúc 19h01'. T và ông H đi vào ngõ nhỏ cạnh nhà 14 dãy P lúc 19h06'; Minh và Tùng vào ngõ nhỏ cạnh A dãy B3 lúc 19h08'; M và T2 chở ông H đi từ ngõ 16 N lúc 19h10'. T điện thoại báo cho vợ biết vừa đánh ông H lúc 19h45'. Trong điện thoại của T có 03 đoạn video ngày 30/9/2020 ghi lúc 19h27' thời lượng 20 giây, ghi 19h28' thời lượng 02 giây và 19h32' thời lượng 02 phút 25 giây do T quay lúc M, T2 tra hỏi và đánh ông H trong khu đô thị V; đồng thời có 02 ảnh chụp cùng ghi lúc 19h37' chụp ông H bị ngã nằm ra đường.

Tại bản Cáo trạng số 201/CT-VKSTĐ-B1 ngày 11 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát quân sự Thủ đô Hà Nội đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng M và Phạm Duy T2 về tội: "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng M và Phạm Duy T2 về tội: "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Giai đoạn chuẩn bị xét xử các bị cáo và gia đình các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại Lê Việt H nên bổ sung thêm Cáo trạng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T từ 08 đến 09 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 54; điểm a khoản 4 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Điều; 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hồng M từ 05 năm đến 06 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 54; điểm a khoản 4 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Phạm Duy T2 từ 05 năm đến 06 năm tù.

Trừ đi thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2020 đến nay.

- *Về bồi thường thiệt hại*: Buộc các bị cáo liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại Lê Việt H. Ghi nhận các bị cáo và gia đình đã thỏa thuận bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại Lê Việt H.

Buộc các bị cáo phải liên đới bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Quân đội tổng số tiền là 22.263.991 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T tự nhận trách nhiệm bồi hoàn khoản tiền này cho Bảo hiểm xã hội Quân đội, đề nghị ghi nhận.

- *Về xử lý vật chứng*: Ghi nhận việc xử lý vật chứng và trả lại tài sản, giấy tờ của Cơ quan điều tra, Tòa án cho chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp là có căn cứ.

Chiếc điện thoại di động màu trắng-kem đã qua sử dụng, ghi nhãn hiệu Iphone, số imei: 356152091379759 là vật chứng của vụ án, T dùng để liên lạc với M, dùng quay video và chụp ảnh ông H, còn giá trị sử dụng; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS; 01 xác sim số thuê bao 0868.733.965 không còn giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy.

Đối với các tài sản thu giữ của bị hại gồm 01 đôi dép, 02 áo lót quân nhu màu trắng; 01 áo cộc tay có cổ, họa tiết ô vuông; 01 quần đùi quân nhu màu xanh. Tịch thu tiêu hủy do gia đình bị hại yêu cầu không nhận lại.

- *Về án phí*: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng M và Phạm Duy T2 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng; riêng bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% của 22.263.991 đồng.

Luật sư Nguyễn Mạnh P và Luật sư Bùi Văn M và bào chữa cho bị cáo Phạm Duy T2, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 BLHS là đúng pháp luật. T2 không hề biết nguyên nhân dẫn đến T đánh ông H ở hiện trường lần 1 và hiện trường lần 2, đến khi T nói có bằng chứng ông H có quan hệ bất chính với vợ T nên T bức xúc có chửi và dùng chân đá ông H 1 cái; đây là hành động a dua, bột phát. Sau khi thấy ông H ngã đã cùng các bị cáo khác đưa ông H về nhà. Sau đó thấy việc làm của mình sai nên đi đầu thú. Do bị tạm giam nên nhiều lần thông qua Luật sư nhờ gia đình đến gia đình ông H để thăm hỏi. T2 phạm tội lần đầu, là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể, có nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình, các con còn nhỏ, sau khi sự việc xảy ra rất ăn năn, hối lỗi. T2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ như VKS đã đề nghị được hưởng; đề nghị HĐXX xem xét cho T2 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Áp dụng khoản 1, 2 Điều 54 BLHS; Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 65 BLHS; xử phạt T2 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Luật sư Bùi Văn M và Luật sư Nguyễn Thị H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T cho rằng: Nguyên nhân T gây thương tích cho ông H là do bức tức, cho rằng vợ mình là chị H3 có quan hệ bất chính với ông Hùng; trước đó cũng đã gặp ông H để nói chuyện về vấn đề này để ông H không qua lại với vợ mình nhưng

đến ngày 30/9/2020, T phát hiện vợ mình và ông H gặp nhau ở Bệnh viện T lại càng nghi ngờ, do không tìm chế được bản thân nên đã gây thương tích cho ông H dẫn đến tử vong. Việc ông H tử vong là ngoài ý muốn của T. Nhất trí về tội danh, điều luật áp dụng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề nghị đối với T. Tuy nhiên, T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có hoàn cảnh khó khăn, mẹ già, các con còn nhỏ; đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho Thành và áp dụng khởi điểm của khoản 3 Điều 134 BLHS từ 5 đến 6 năm tù.

- Các bị cáo không có quan điểm tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và nhất trí với nội dung bào chữa của các Luật sư; nhất trí với việc các gia đình thỏa thuận bồi thường xong cho gia đình bị hại Lê Việt H với tổng số tiền là 250.000.000 đồng.

- Đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp của bị hại là ông Lê Việt H6 có ý kiến: Gia đình các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình chúng tôi với tổng số tiền là 250.000.000 đồng và gia đình chúng tôi đã nhận đủ; tại phiên tòa hôm nay không yêu cầu bồi thường gì thêm. Ông Lê Việt H6 cho rằng, các bị cáo phạm tội: “Giết người” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 BLHS với các tình tiết tăng nặng: Phạm tội có tổ chức, có tính chất côn đồ, có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội đến cùng, không cứu giúp nạn nhân.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị H5 và Phạm Ngọc N không có ý kiến tranh luận gì. Bà H2, chị H5 và chị N đã tự nguyện bỏ tiền ra để bồi thường xong cho gia đình bị hại Lê Việt H theo đề nghị của các bị cáo T, M, T2 và không yêu cầu các bị cáo hoàn trả khoản tiền này. Bà H2 có ý kiến cùng T có trách nhiệm bồi hoàn khoản tiền chi phí cấp cứu, cứu chữa ông Hùng tại Viện Q mà Bảo hiểm xã hội Q đã thanh toán.

Đối đáp với ý kiến của các bị cáo và các Luật sư bào chữa cho các bị cáo, Kiểm sát viên cho rằng: Đối với bị cáo T2, phạm tội lần đầu là đúng nhưng các bị cáo bị truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 4 Điều 134 BLHS là rất nghiêm trọng. Tùng chửi và tát ông H sau khi nghe T nói có bằng chứng ông H quan hệ bất chính với vợ T, tạo điều kiện cho T tấn công ông H nên không thể nói Tùng có vai trò không đáng kể được; nên không áp dụng khoản 1, 2 Điều 54 BLHS đối với bị cáo T để xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T, tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng T là chủ mưu, là người thực hành tích cực tấn công ông H dẫn đến tử vong, nên không đủ điều kiện được hưởng khoản 1 Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo.

Đối với đề nghị của Đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp người bị hại, Kiểm sát viên cho rằng: Không có cơ sở để xác định các bị cáo phạm tội “Giết người” theo khoản 1 Điều 123 BLHS, vì các bị cáo đánh ông H bằng tay, chân và không xác định đánh vào bộ phận nào trên cơ thể ông H, các bị cáo đánh vào đầu, mặt ông H là do tư thế đứng, ngồi, ngã, bên cạnh, đối diện của bị

hại. Không có cơ sở xác định các bị cáo có ý định tước đoạt tính mạng của bị hại và phạm tội đến cùng vì khi bị cáo T dùng đèn pin điện thoại để soi thấy ông H tím tái mặt và có chảy máu ở mồm thì dừng lại không đánh nữa và các bị cáo dùng xe chở ông H về nhà, khi ngồi trên xe chân bị hại thõng xuống dẫn đến các ngón chân trái có vết xây xước mất da, tụ máu, chứ không phải kéo lê bị hại; các bị cáo không để mặc cho hậu quả xảy ra mà đã cùng nhau để đưa ông Hùng về nhà và sau đó người nhà đưa ông H đi cấp cứu tại Bệnh viện Q đến ngày 03/10/2020 thì tử vong. Ông H bị tử vong là ngoài ý muốn của các bị cáo. Các bị cáo không phạm tội có tổ chức vì các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc nhau từ trước, chỉ sau khi bị cáo T đánh ông H lần thứ 2 tại đường D và nói có bằng chứng vợ mình có quan hệ bất chính với ông H thì M và T2 mới chửi và tát, đá ông H. Các bị cáo không phạm tội có tính chất chuyên nghiệp vì các bị cáo chưa bị Tòa án nào xét xử, cơ quan nào xử phạt về hành vi cố ý gây thương tích cũng như hành vi giết người và đây là lần đầu tiên các bị cáo thực hiện hành vi cố ý gây thương tích và đang bị xét xử ngày hôm nay. Về phạm tội có tính chất côn đồ, nguyên nhân dẫn đến vụ án xảy ra ngày 30/9/2020 là có nguyên cớ, có quan hệ giữa chị H3 và ông H qua mạng xã hội điện thoại, facebook mặc dù quan hệ này chưa vi phạm pháp luật nhưng do nhận thức của bị cáo T nghi ngờ giữa chị H3 và ông H có quan hệ bất chính từ trước, nhất là ngày 30/9/2020 Thành biết được vợ mình đến Viện T và có gặp anh H nên đã bức tức dẫn đến tát, đánh ông H. Các bị cáo không phải là không cứu giúp nạn nhân vì các bị cáo đưa ông H về nhà nhưng không đánh giá được mức độ thương tích nghiêm trọng như thế nào.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Cả ba bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng M và Phạm Duy T đều có ý kiến: Các bị cáo biết việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật và rất ân hận; các bị cáo xin lỗi gia đình bị hại Lê Việt H. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra hình sự các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng; Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Thủ đô Hà Nội; Viện kiểm sát quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp của bị hại không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng M và Phạm Duy T2 khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm

chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa.

Căn cứ vào diễn biến của các tình tiết vụ án, các chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ cơ sở kết luận: Khoảng từ 19 giờ 00 phút đến 19 giờ 45 phút ngày 30/9/2020, Nguyễn Văn T dùng chân, tay để tát, đấm, đá ông Lê Việt H tại C, đường N, phường Q, quận H1, Hà Nội và Nguyễn Văn T cùng Nguyễn Hồng M và Phạm Duy T2 có hành vi dùng chân, tay để tát, đấm đá ông H tại khu vực đường nội bộ D khu đô thị V, phường L, quận H1, Thành phố Hà Nội dẫn đến ông H bị thương. Sau khi được cấp cứu tại Bệnh viện Q đến ngày 03/10/2020 thì tử vong; nguyên nhân tử vong của ông Lê Việt H là tình trạng chấn thương sọ não nặng, máu tụ dưới màng cứng diện rộng bán cầu não trái. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng M và Phạm Duy T2 đã cấu thành tội: "*Cố ý gây thương tích*" với tình tiết định khung tăng nặng "*làm chết người*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ.

Về ý kiến Luật sư bào chữa cho bị cáo T2 cho rằng T2 là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể và đề nghị cho T2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" theo điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. HĐXX thấy: Bị cáo Tùng dùng xe mô tô giúp T chở ông H đến khu vực D, sau khi nghe T nói có bằng chứng về vợ T có quan hệ bất chính với ông H thì T2 chửi và tham gia đánh ông H, như vậy T2 giúp sức về cả về mặt tinh thần và cả hành động nên không thể nói là không đáng kể được, vì xét tương quan lực lượng các bị cáo số đông nhưng ông H chỉ có một mình, việc T2 chửi, đánh ông H tuy chỉ đá một cái nhưng cũng tạo điều kiện về mặt tinh thần lớn cho T quyết liệt tấn công ông H dẫn đến hậu quả ông H tử vong. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận đề nghị của Luật sư.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T có ý kiến, T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo. HĐXX xét thấy: Tuy bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo gây ra là rất lớn và đánh giá nhân thân của bị cáo, bị cáo không đủ điều kiện được áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo.

Về ý kiến của đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp bị hại cho rằng các bị cáo phạm tội "Giết người" theo khoản 1 Điều 123 BLHS. HĐXX xét thấy: Động cơ, mục đích của các bị cáo không phải muốn tước đi tính mạng của bị hại mà chỉ vì biết được vợ mình có gặp bị hại tại Bệnh viện T, nghi ngờ vợ mình có quan hệ bất chính với bị hại, bị cáo T bức tức dẫn đến tát, đấm, đá ông H. Sau khi nghe T nói có bằng chứng về quan hệ bất chính giữa vợ T và ông Hùng thì M và T2 mới chửi, tát, đá ông H. Các bị cáo chỉ dùng chân, tay để đánh ông H, khi đánh cũng không xác định đánh vào vùng trọng yếu trên cơ thể ông H. Khi ông H ngã thấy mặt ông bị bầm tím thì T, M,

T2 dìu ông H lên xe máy chở về nhà. Như vậy, không có cơ sở để xác định các bị cáo phạm tội “Giết người” như ý kiến của đại diện bị hại.

[3] Xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến khách thể được luật hình sự bảo vệ đó là quyền được bảo hộ về sức khỏe và tính mạng của con người. Hành vi phạm tội của các bị cáo ngoài gây thương tích dẫn đến Lê Việt H bị tử vong còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh, kỷ luật Quân đội và tình đoàn kết đồng chí, đồng đội trong đơn vị.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn Văn T là người chủ động gọi ông Hùng đến nơi vắng dùng tay tát, đâm vào mặt, vào ngực ông H; trên đường đi T gọi điện thoại bảo Minh vào nhà mình có việc. Sau khi T2 và M chở ông H đến đoạn đường nội bộ D vắng vẻ trong khu đô thị V, thuộc phường L, H1, Hà Nội, T chủ động tra hỏi, dùng tay, chân, tát, đâm, đá vào mặt, vào đầu, vào bụng ông H, đây là nguyên nhân chính, trực tiếp làm ông H bị thương tích dẫn đến tử vong. T là người khởi xướng và thực hành tích cực, quyết liệt nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án này. T2 và M đã chở ông H ra chỗ vắng theo đề nghị của T; khi nghe T tra hỏi và nói có bằng chứng ông H có quan hệ bất chính với vợ T thì M và T2 cũng chửi bới, cùng tra hỏi ông Hùng và dùng tay, chân, tát, đá ông H; nên M và T2 cùng phải chịu trách nhiệm ngang nhau và sau T.

Hội đồng xét xử áp dụng các điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự về đồng phạm và quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng M và Phạm Duy T2.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Quá trình điều tra cũng tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng M và Phạm Duy T2 thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, ân hận về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đang bị tạm giam nên đã nhờ gia đình thỏa thuận bồi thường xong cho gia đình bị hại, với tổng số tiền là 250.000.000 đồng; Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng M và Phạm Duy T2 sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo T có bố mẹ để được tặng nhiều Huân, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen, nên cả ba bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*” theo quy định tại các điểm s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T, trong quá trình công tác được tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba và nhiều Giấy khen khác, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong học tập hoặc công tác*” theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra Hội đồng xét xử xem xét điều kiện hoàn cảnh gia đình của các bị cáo khó khăn, các bị cáo đều có các con còn nhỏ khi quyết định hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Văn T tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hậu quả mà bị

cáo gây ra và bị cáo có nhân thân không tốt. Cho nên, cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống của xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với các bị cáo Nguyễn Hồng M, Phạm Duy T2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, chưa có tiền án, tiền sự; M và T2 không có mâu thuẫn gì với ông H từ trước. Do bức tức về việc ông H có quan hệ bất chính với vợ T khi Thành cho biết nên đã chửi và tham gia đánh ông H và chủ yếu giúp sức về mặt tinh thần cho bị cáo T đánh ông H; nên HĐXX xét thấy có đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đồng thời cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục người phạm tội và phòng ngừa chung.

[5] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 các điều 584, 585, 586, Điều 587 và điểm a khoản 1 Điều 591 Bộ luật Dân sự; khoản 5 Điều 40 Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi, bổ sung năm 2014, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra cho gia đình bị hại Lê Việt H và buộc các bị cáo phải liên đới bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Q với tổng số tiền là: 22.263.991 làm tròn là 22.264.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đã nhờ gia đình thỏa thuận bồi thường xong cho gia đình bị hại Lê Việt H vào ngày 28/4/2021, với tổng số tiền là 250.000.000 đồng (gia đình bị cáo Nguyễn Văn T 125.000.000 đồng, gia đình bị cáo Nguyễn Hồng M 62.500.000 đồng và gia đình bị cáo Phạm Duy T2 62.500.000 đồng) bao gồm các khoản: chi phí mai táng, khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần, khoản tiền cấp dưỡng và các thiệt hại khác. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm. HĐXX thấy việc thỏa thuận của các bên là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, nên xét thấy cần ghi nhận.

Bà H2, chị H5 và chị N đã tự nguyện bỏ tiền ra để bồi thường xong cho gia đình bị hại Lê Việt H theo đề nghị của các bị cáo T, M, T2 và không yêu cầu các bị cáo hoàn trả khoản tiền này, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với khoản tiền 22.263.991 đồng là tiền chi phí cấp cứu, cứu chữa Lê Việt H tại Bệnh viện Q do Bảo hiểm xã hội Q chi trả, bao gồm các khoản: Tiền khám: 38.700 đồng; ngày giường: 2.115.000 đồng; xét nghiệm và TDCN: 2.390.500 đồng; Chuẩn đoán hình ảnh: 1.109.400 đồng; Phẫu thuật, thủ thuật: 5.467.100 đồng; thuốc, dịch truyền: 10.371.936 đồng; vật tư y tế: 771.355 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng có văn bản yêu cầu các bị cáo phải bồi hoàn khoản tiền này; HĐXX thấy những khoản chi phí đó là hợp lý, nên buộc các bị cáo phải liên đới bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Q khoản tiền này. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T tự nguyện nhận một mình bị cáo có trách nhiệm bồi hoàn khoản tiền này cho Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng và không yêu cầu các bị cáo M, T2 hoàn trả; các bị cáo Nguyễn Hồng M và Phạm Duy T2 đồng ý, xét thấy cần ghi nhận.

[6] Về vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động màu trắng-kem đã qua sử dụng, ghi nhãn hiệu Iphone, số imei: 356152091379759 mà bị cáo Nguyễn Văn T đã sử dụng liên lạc với M đến nhà mình sau đó chở ông H đi nơi khác và trong quá trình đánh ông H, T đã sử dụng điện thoại này quay video và chụp ảnh ông H; đây là phương tiện phạm tội; vì vậy, tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 (một) đôi dép màu nâu có quai hậu, nhãn BITIS; 02 (hai) áo lót quần nhu màu trắng, 01 cái còn nguyên vẹn, 01 cái đã bị cắt; 01 (một) áo cộc tay có cổ, họa tiết ô vuông đã bị cắt; 01 (một) quần đùi quần nhu màu xanh. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp bị hại đề nghị không nhận lại những đồ vật nói trên; 01 xác sim được thu giữ trong chiếc điện thoại của bị cáo Nguyễn Văn Thành. HĐXX thấy rằng các đồ vật, vật chứng nêu trên không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Những tài sản, đồ vật gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, BKS: 29T1-124.91, Số khung: 1203BY348067; Số máy: HC12E3148116 kèm theo đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn T; 01 Chứng minh thư nhân dân số 112027488 mang tên Nguyễn Văn T; 01 chứng minh quân nhân chuyên nghiệp số 618400540260 mang tên Nguyễn Văn T; 01 điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu VIVO, loại 1902 kèm theo 02 sim; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE BKS: 29H2-118.32, Số khung: 3916KY374423; Số máy: JA39E1242244 kèm theo đăng ký xe mang tên Phạm Thị H; 01 điện thoại di động màu xanh đen, nhãn hiệu NOKIA loại 230; 01 Chứng minh thư nhân dân số 001084002293 mang tên Phạm Duy T2; 01 điện thoại di động màu vàng đã qua sử dụng nhãn hiệu VIVO kèm theo 02 sim; 01 điện thoại di động màu xám đã qua sử dụng, nhãn hiệu Iphone. Cơ quan Điều tra hình sự các Tổ chức sự nghiệp Bộ Quốc phòng và Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội đã trả lại cho các chủ sở hữu và quản lý hợp pháp trong giai đoạn điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử theo quy định của pháp luật. Nên tại phiên tòa không xem xét giải quyết lại nữa.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền còn phải bồi hoàn là: $22.264.000đ \times 5\% = 1.113.200$ đồng (làm tròn 1.113.000đ).

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố các bị cáo *Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng M và Phạm Duy T2* phạm tội: “*Cố ý gây thương tích*”;

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; Điều 17, Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với cả ba bị cáo; riêng bị cáo Nguyễn Văn T được áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với hai bị cáo Nguyễn Hồng M và Phạm Duy T2 áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

- Nguyễn Văn T 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 01/10/2020.

- Nguyễn Hồng M 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 01/10/2020.

- Phạm Duy T2 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ ngày 01/10/2020.

2. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 các điều 584, 585, 586; Điều 587 và điểm a khoản 1 Điều 591 Bộ luật Dân sự; khoản 5 Điều 40 Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi, bổ sung năm 2014, buộc bị cáo Nguyễn Văn Thành phải bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Q với tổng số tiền là: 22.264.000 (hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi tư nghìn) đồng.

Ghi nhận các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng M và Phạm Duy T và gia đình các bị cáo đã thoả thuận bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại Lê Việt H với tổng số tiền là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng; cụ thể: Bị cáo Nguyễn Văn T 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng, bị cáo Nguyễn Hồng M 62.500.000 (sáu mươi hai triệu, năm trăm nghìn) đồng và bị cáo Phạm Duy T2: 62.500.000 (sáu mươi hai triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu trắng-kem đã qua sử dụng, ghi nhãn hiệu Iphone, số imei: 356152091379759 theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử do Cơ quan Điều tra hình sự các Tổ chức sự nghiệp Bộ Quốc phòng lập ngày 01/10/2020.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) đôi dép màu nâu có quai hậu, 02 (hai) áo lót quân nhu; 01 (một) áo

cộc tay, 01 (một) quần đùi quân nhu và 01 xác sim được thu giữ trong chiếc điện thoại của bị cáo Nguyễn Văn T theo các Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử do Cơ quan Điều tra hình sự các Tổ chức sự nghiệp Bộ Quốc phòng lập ngày 01 và ngày 02/10/2020.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hồng M và Phạm Duy T2 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.113.000 (một triệu, một trăm mười ba nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/7/2021) đối với các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, các đương sự có mặt và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này lên Toà án quân sự Thủ đô Hà Nội./.

Nơi nhận:

- VKSQSTĐHN;
- VKSQSKVTĐHN;
- Phòng THA-BTTM;
- CQĐTHSCTCSN, BQP;
- Trại tạm giam T75, CĐTHS;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Thủ đô HN;
- Các Luật sư: Minh, Phương, Hằng;
- Các bị cáo: Thành, Minh, Tùng;
- Đại theo ủy quyền ĐDHPBH: Ông Hưng;
- Bà Hậu, chị Hương, chị Nga;
- Bảo hiểm xã hội Bộ quốc phòng;
- Lưu: HS, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thượng tá Trần Thanh Bài